

XE TẢI VAN ĐIỆN

Townster^E



QUẢNG ĐƯỜNG
300 KM



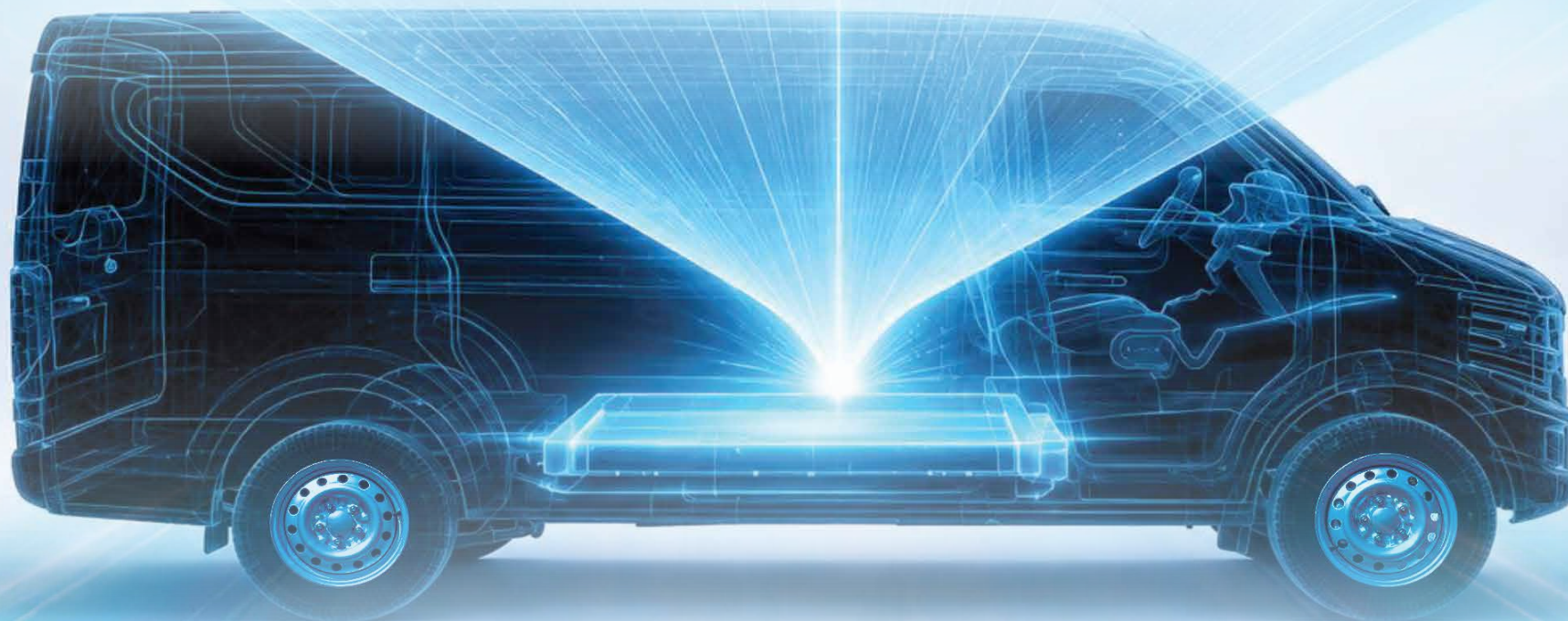
DUNG LƯỢNG PIN
41,86 KWH



SẠC NHANH (20%-80%)
18 PHÚT

CÔNG NGHỆ PIN 2C

KHẢ NĂNG SẠC SIÊU NHANH



PIN CATL

**THƯƠNG HIỆU PIN
HÀNG ĐẦU THẾ GIỚI**

THỜI GIAN SẠC NHANH 18 PHÚT

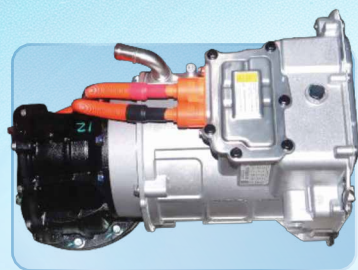
QUÃNG ĐƯỜNG DI CHUYỂN 300KM

LÀM MÁT PIN BẰNG CHẤT LỎNG

**CÔNG NGHỆ TÁI TẠO ĐIỆN CỰC
TĂNG TUỔI THỌ PIN**



**ĐÈN CHIẾU SÁNG
HALOGEN PROJECTOR
THIẾT KẾ DẠNG MODULE**



ĐỘNG CƠ ĐIỆN INOVANCE
SỨC MẠNH VƯỢT TRỘI, VẬN HÀNH ỔN ĐỊNH

LÀM MÁT BẰNG CHẤT LỎNG

CÔNG SUẤT CỰC ĐẠI 75KW

MOMEN XOẮN CỰC ĐẠI 180N.M



**MÀN HÌNH AVN THẾ HỆ MỚI
(KẾT NỐI INTERNET VÀ
DẪN ĐƯỜNG GOOGLE MAPS)**



MÀN HÌNH TAPLO ĐIỆN TỬ



ĐIỀU HÒA 2 CHIỀU



**CẦN CHUYỂN SỐ
TÍCH HỢP TRÊN TRỤ LÁI**



**CÔNG TẮC CHUYỂN ĐỔI
CHẾ ĐỘ LÁI**



OFFICE COMPLEX

BỘ SẠC DI ĐỘNG

ĐỂ DÀNG SẠC NHANH TẠI MỌI ĐỊA ĐIỂM

CÔNG SUẤT SẠC TỐI ĐA 7KW

DÒNG ĐIỆN SỬ DỤNG 220V

ĐIỀU CHỈNH CƯỜNG ĐỘ DÒNG ĐIỆN SẠC

* Hình ảnh trạm/trụ sạc mang tính chất tham khảo, có thể thay đổi trong thực tế.



THỂ TÍCH KHOANG HÀNG LÊN ĐẾN
RỘNG RÃI, CHỨA ĐƯỢC NHIỀU HÀNG HÓA

5.9 M³

HỆ THỐNG
CHỐNG BÓ CỨNG PHANH ABS

HỆ THỐNG
PHÂN PHỐI LỰC PHANH ĐIỆN TỬ EBD

CAMERA LÙI
HỖ TRỢ KIỂM SOÁT XE KHI VẬN HÀNH



THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ	THACO Towner E V2.6-2S	THACO Towner E V2.7-2S
KÍCH THƯỚC			
Kích thước tổng thể	mm	4.500 x 1.690 x 2.000	4.800 x 1.690 x 2.000
Kích thước lọt lòng thùng (thể tích)	mm	2.620 x 1.505 x 1.340 (5.28 m³)	2.930 x 1.505 x 1.340 (5.9 m³)
Vết bánh xe (trước/sau)	mm	1.442/ 1.455	1.442/ 1.455
Chiều dài cơ sở	mm	2.930	3.135
Khoảng sáng gầm xe	mm	160	160
KHỐI LƯỢNG			
Khối lượng bản thân xe chassis	kg	1.510	1.575
Tải trọng	kg	945	945
Khối lượng toàn bộ	kg	2.585	2.650
Số người cho phép chở	Người	02	02
ĐỘNG CƠ ĐIỆN			
Nhãn hiệu	-	INOVANCE	INOVANCE
Kiểu loại	-	TZ180XS146	TZ180XS146
Công suất cực đại	kW/rpm	75	75
Momen xoắn cực đại	N.m/rpm	180	180
PIN			
Nhãn hiệu	-	CATL	CATL
Loại pin	-	Lithium sắt phốt phát/ Lithium Iron Phosphate	Lithium sắt phốt phát/ Lithium Iron Phosphate
Dung lượng	kWh	41.86	41.86
Định mức sạc	-	2C	2C
Công suất sạc định mức	kW	83.72*	83.72*
Tiêu chuẩn sạc	-	CCS2	CCS2
Thời gian sạc nhanh DC	phút/min	18*	18*
Quãng đường di chuyển 1 lần sạc	km	300*	300*
HỆ THỐNG LÁI			
	-	Bánh răng – Thanh răng, cơ khí, trợ lực điện	Bánh răng – Thanh răng, cơ khí, trợ lực điện
HỆ THỐNG PHANH			
	-		
Phanh chính	-	Trước đĩa, sau tang trống, Thủy lực, trợ lực chân không, có ABS	Trước đĩa, sau tang trống, Thủy lực, trợ lực chân không, có ABS
Phanh dừng	-	Phanh tay điện tử (EPB)	Phanh tay điện tử (EPB)
HỆ THỐNG TREO			
Trước	-	Độc lập, lò xo trụ, giảm chấn thủy lực	Độc lập, lò xo trụ, giảm chấn thủy lực
Sau	-	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực
LỐP			
Trước & sau	-	195/70R15C	195/70R15C
ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT			
Độ vượt dốc lớn nhất	%	27.9	27.2
Bán kính quay vòng nhỏ nhất	m	6.2	6.5
Tốc độ lớn nhất	km/h	115	115

* Điều kiện lý tưởng (Công suất nhận sạc ≥90kW, nhiệt độ môi trường 20–30°C, nhiệt độ PIN 25–35°C).